

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM
Số: 07/2008/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 02/2005/QĐ-NHNN ngày 04/01/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và người mua giấy tờ có giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC
(Đã ký)

Nguyễn Đồng Tiến

QUY CHẾ

Phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 3 năm 2008
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam từ các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài.
- Việc phát hành giấy tờ có giá ra công chúng, niêm yết và giao dịch giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, các quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Giấy tờ có giá bằng vàng, bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về huy động và sử dụng vốn bằng

vàng, bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng.

Điều 2. Đối tượng phát hành giấy tờ có giá

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng và đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này, bao gồm:

- Các tổ chức tín dụng Nhà nước.
- Các tổ chức tín dụng cổ phần
- Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương
- Các tổ chức tín dụng liên doanh.
- Các tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Riêng công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, loại giấy tờ có giá và thời hạn giấy tờ có giá được phép huy động thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

Điều 3. Người mua giấy tờ có giá

1. Người mua giấy tờ có giá gồm:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và không hoạt động tại Việt Nam.

2. Đối với người mua giấy tờ có giá là tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức tín dụng chỉ được phát hành giấy tờ có giá ghi danh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Giấy tờ có giá” là chứng nhận của tổ chức tín dụng phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua.
2. “Giấy tờ có giá ngắn hạn” là giấy tờ có giá có thời hạn dưới một 1 năm bao gồm kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, tín phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

3. “Giấy tờ có giá dài hạn” là giấy tờ có giá có thời hạn từ một năm trở lên, bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi dài hạn và các giấy tờ có giá dài hạn khác.
4. “Giấy tờ có giá ghi danh” là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi sổ có ghi tên người sở hữu.
5. “Giấy tờ có giá vô danh” là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ không ghi tên người sở hữu. Giấy tờ có giá vô danh thuộc quyền sở hữu của người nắm giữ giấy tờ có giá.
6. “Mệnh giá” là số tiền gốc được in sẵn hoặc ghi trên giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi trên giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức ghi sổ.
7. “Tổng mệnh giá” là tổng các mệnh giá của các giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành trong một năm hoặc trong một đợt phát hành.
8. “Thời hạn giấy tờ có giá” là khoảng thời gian từ ngày phát hành đến ngày đến hạn thanh toán.
9. “Thời hạn phát hành” là khoảng thời gian từ ngày tổ chức tín dụng bắt đầu phát hành đến hết ngày kết thúc của một đợt phát hành.
10. “Lãi suất cố định” là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn của giấy tờ có giá.
11. “Lãi suất có điều chỉnh định kỳ” là lãi suất thay đổi định kỳ theo thị trường do tổ chức tín dụng thỏa thuận với người mua khi phát hành.
12. “Trả lãi trước” là việc bán giấy tờ có giá thấp hơn mệnh giá và người mua được thanh toán số tiền bằng mệnh giá khi đến hạn thanh toán.
13. “Trả lãi một lần khi đến hạn thanh toán” là việc thanh toán tiền lãi một lần khi đến hạn thanh toán cùng với tiền gốc (mệnh giá).
14. “Trả lãi theo định kỳ” là việc trả lãi căn cứ vào phiếu trả lãi theo định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm đối với các giấy tờ có giá dài hạn.
15. “Trái phiếu chuyển đổi” là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức tín dụng phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

16. “Tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu” là số lượng cổ phiếu phổ thông mà chủ sở hữu trái phiếu nhận được khi thực hiện chuyển đổi một trái phiếu thành cổ phiếu.

17. “Thời hạn chuyển đổi trái phiếu” là khoảng thời gian kể từ khi tổ chức phát hành bắt đầu thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu đến khi kết thúc việc chuyển đổi trái phiếu.

18. “Chứng quyền” là loại chứng khoán phát hành kèm theo trái phiếu xác định quyền của người sở hữu trái phiếu được mua một khối lượng cổ phiếu phổ thông nhất định theo các điều kiện đã xác định.

19. “Trực tiếp phát hành giấy tờ có giá” là việc tổ chức tín dụng tự tổ chức thực hiện phát hành giấy tờ có giá cho người mua giấy tờ có giá.

20. “Đại lý phát hành” là việc tổ chức đại lý phát hành thực hiện việc bán giấy tờ có giá cho người mua giấy tờ có giá theo sự ủy quyền của tổ chức tín dụng phát hành.

21. “Bảo lãnh phát hành” là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức tín dụng phát hành thực hiện các thủ tục trước khi phát hành giấy tờ có giá nhận mua một phần hay toàn bộ giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để bán lại hoặc mua số giấy tờ có giá còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức tín dụng phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức tín dụng phát hành trong việc phân phối giấy tờ có giá.

22. “Đấu thầu giấy tờ có giá” là việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu đáp ứng đủ yêu cầu của tổ chức tín dụng phát hành.

23. “Đấu thầu khối lượng” là việc xét thầu trên cơ sở khối lượng dự thầu của người mua giấy tờ có giá theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng phát hành thông báo trước.

24. “Đấu thầu lãi suất” là việc xét thầu trên cơ sở lãi suất dự thầu của người mua giấy tờ có giá,

25. “Chào bán trái phiếu ra công chúng” là việc chào bán trái phiếu theo một trong các phương thức sau:

a) Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, kể cả Internet

b) Chào bán trái phiếu cho từ một năm nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp là các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài